

Số: /GPMT-UBND

Trực Ninh, ngày 27 tháng 6 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
Xét Văn bản số 02/CV-CT ngày 02/6/2025 của Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Minh Trang về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;
Theo đề nghị của Phòng Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 320//TTr-NNMT ngày 27 tháng 6 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Minh Trang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở: “Nhà máy gạch tuynel và trạm trộn bê tông thương phẩm” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở đầu tư:

- Tên cơ sở: Nhà máy gạch tuynel và trạm trộn bê tông thương phẩm
- Địa điểm hoạt động: Xã Trực Thanh, huyện Trực Ninh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 0600809018; Đăng ký lần đầu: ngày 20/5/2011; Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 27/9/2024 cấp bởi Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định.
- Mã số thuế: 0600809018

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất gạch tuynel và bê tông thương phẩm

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở đầu tư:

- Phạm vi: Cơ sở được triển khai tại xã Trục Thanh, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định với diện tích 25.573,7 m² (Căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 910824 ngày 30/6/2011 do UBND tỉnh Nam Định cấp)

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như cơ sở nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Công suất:

+ Gạch tuynel: 10.000.000 viên/năm;

+ Bê tông thương phẩm: 90 tấn/h.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình công nghệ sản xuất gạch tuynel: Đất nguyên liệu → Nhà chứa đất → Máy cấp liệu thùng → Máy cán trục → Máy nhào trộn → Máy đùn ép chân không → Máy cắt gạch tự động → Băng tải gạch mộc → Xe goòng → Lò sấy tuynel → Lò nung tuynel → Bãi thành phẩm.

+ Quy trình công nghệ sản xuất bê tông thương phẩm: Xi măng, đá, cát, nước, phụ gia → Phễu cấp liệu → Băng tải cân cốt liệu → Thùng trộn → Phễu xả bê tông → Ô tô chở bê tông.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải (chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại), phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Minh Trang:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Minh Trang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý nước thải, khí thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy

định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất thải không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND huyện Trục Ninh, Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Trục Ninh, UBND xã Trục Thanh nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo UBND huyện Trục Ninh, Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Trục Ninh để được xem xét, hướng dẫn.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày giấy phép này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Phòng Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Minh Trang được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần sản xuất VLXD Minh Trang;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Cổng Thông tin điện tử huyện;
- UBND xã Trục Thanh.
- Lưu: VT, NNMT;

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quang Thạo

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày 27/6/2025
của UBND huyện Trục Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của CBCNV.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Mương tiêu phía Đông cơ sở (giáp sông công bà nữ) thuộc xã Trục Thanh, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: 01 điểm xả thải vào mương tiêu phía Đông cơ sở

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X (m) = 2238467; Y (m) = 576159
(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 10 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

Nước thải sau xử lý sẽ xả thải theo phương thức tự chảy ra nguồn tiếp nhận.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn trong ngày, không theo chu kỳ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với giá trị tối đa cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải được tính theo công thức $C_{\max} = C \times K_q \times K_f$ (Áp dụng hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$; đối với các thông số: pH, Coliform thì $C_{\max} = C$), cụ thể như sau:

Bảng giá trị giới hạn thông số trong nước thải sau xử lý

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
			Giá trị C	Giá trị $C_{\max}$		
01	pH	-	5,5÷9	5,5÷9	01 lần/năm	Không thuộc đối
02	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	54		

03	COD	mg/l	150	162	theo đề nghị và cam kết của chủ cơ sở	tượng phải thực hiện
04	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	108		
05	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	10,8		
06	Sunfua	mg/l	0,5	0,54		
07	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	10,8		
08	Tổng nitơ	mg/l	40	43,2		
09	Tổng photpho	mg/l	6	6,48		
10	Clo dư	mg/l	2	2,16		
11	Coliform	mg/l	5.000	5.000		

Khi có sự thay đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn rồi dẫn ra hố ga thu gom đặt ngoài nhà, theo đường ống PVC D90 dẫn về Bể xử lý nước thải công suất thiết kế 10 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sản xuất theo đường ống PVC D110 dẫn về Bể xử lý nước thải công suất thiết kế 10 m³/ngày.đêm để xử lý cùng với nước thải sinh hoạt..

Nước thải sau xử lý tại Bể xử lý nước thải công suất thiết kế 10 m³/ngày.đêm đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp sẽ theo đường ống D90 dẫn ra mương tiêu phía Đông cơ sở tại 01 cửa xả.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt: Nước thải từ nhà vệ sinh theo đường ống PVC D48 thu gom về bể tự hoại xây ngầm dưới khu nhà để xử lý sơ bộ.

- Quy trình xử lý của bể xử lý nước thải công suất thiết kế 10 m³/ngày.đêm như sau: Nước thải → Bể lắng → Bể lọc → Bể khử trùng → Hố ga (Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)) → Mương tiêu phía Đông cơ sở.

- Hóa chất sử dụng: Cloramin B với khối lượng 12 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt (Quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Chủ cơ sở bố trí nhân viên phụ trách môi trường của cơ sở đồng thời theo dõi và thực hiện các quy định của pháp luật về môi trường của cơ sở.

- Khi bể xử lý nước thải gặp sự cố, nước sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép, chủ cơ sở sẽ tiến hành kiểm tra các ngăn xử lý, tìm nguyên nhân để có biện pháp khắc phục kịp thời. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép mới cho bể xử lý vận hành trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tối đa 6 tháng (Dự kiến từ Quý III/2026 đến Quý IV/2026).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Bể xử lý nước thải công suất thiết kế 10 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- 01 mẫu nước thải tại hố ga thu gom trước khi vào bể xử lý nước thải;
- 01 mẫu nước thải tại hố ga sau bể xử lý nước thải, trước khi chảy ra mương tiêu phía Đông cơ sở.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn của chất ô nhiễm

Như tại mục 2 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Tần suất lấy mẫu quan trắc nước thải: Ít nhất 01 ngày/lần (01 mẫu đầu vào tại hố ga thu gom và 01 mẫu đầu ra tại hố ga sau bể xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày.đêm trước khi chảy ra mương tiêu phía Đông cơ sở) trong 03 ngày liên tiếp (Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

- Chủ cơ sở phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Trục Ninh, UBND xã Trục Thanh trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt bảo đảm nước thải xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) trước khi thải ra mương tiêu phía Đông cơ sở. Không được phép lấp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước sau xử lý, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND huyện, Phòng Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Trục Thanh để kịp thời xử lý./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-UBND ngày 27/6/2025
của UBND huyện Trưс Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ lò nung.

2. Dòng bụi, khí thải, vị trí xả thải:

- Dòng khí thải: 01 dòng khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống khói của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò nung.

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 30.000 m³/h.

- Vị trí xả khí thải:

Tọa độ xả thải: X (m) = 2238270; Y (m) = 576147

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°)

- Phương thức xả thải: Xả cưỡng bức, gián đoạn trong ngày, không theo chu kỳ.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($C_{\max} = C \times K_p \times K_v$; Áp dụng $K_p = 0,9$; $K_v = 1,2$), cụ thể như sau:

Bảng giá trị giới hạn thông số trong khí thải sau xử lý

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
			Giá trị C	Giá trị $C_{\max}$		
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	01 lần/năm theo đề nghị và cam kết của chủ cơ sở	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	216		
3	SO ₂	mg/Nm ³	500	540		
4	CO ₂	mg/Nm ³	1.000	1.080		
5	NO _x	mg/Nm ³	850	918		

Khi có sự thay đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Nguồn số 1: Bụi, khí thải lò nung được thu gom vào hệ thống xử lý bụi, khí thải để xử lý bằng nước vôi trong, sau đó thải ra môi trường qua ống khói cao 48 m so với mặt đất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Chủ cơ sở sẽ bố trí 01 hệ thống xử lý bụi, khí thải gồm: 01 bể 2 ngăn, 01 bể chứa cấp nước cho hệ thống giàn phun mưa, 1 buồng xử lý bụi, khí thải và ống khói cao 48 m so với mặt đất. Quy trình xử lý như sau: Khí thải → Buồng xử lý bụi, khí thải (sử dụng nước vôi trong) → Khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) → Ống khói cao 48m so với mặt đất

Lỗ kỹ thuật trên thân ống khói của hệ thống xử lý bụi, khí thải được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Hóa chất sử dụng: Ca(OH)_2 với khối lượng 60 kg/năm

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ đối với hệ thống chụp hút; quạt hút. Trong trường hợp hệ thống xử lý bị hỏng không hoạt động, cơ sở sẽ cho kiểm tra xác định nguyên nhân để sửa chữa. Nếu lỗi nhỏ có thể khắc phục ngay trong thời gian ngắn thì hoạt động sản xuất vẫn tiếp diễn bình thường; Trường hợp cần có thời gian dài để sửa chữa, cơ sở sẽ cân nhắc tạm dừng công đoạn sấy gạch, nung gạch để khắc phục sửa chữa.

- Khi hệ thống xử lý gặp sự cố, chủ cơ sở sẽ dừng hoạt động hoạt động sản xuất có liên quan, cử cán bộ tìm nguyên nhân để sửa chữa, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, khí thải xử lý đạt quy chuẩn cho phép mới cho phép hệ thống xử lý đi vào vận hành trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tối đa 6 tháng (Dự kiến từ Quý III/2026 đến Quý IV/2026).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý bụi, khí thải của lò nung.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

01 mẫu khí thải tại lỗ kỹ thuật trên thân ống khói lò nung sau hệ thống xử lý bụi, khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Như tại mục 2 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Tần suất lấy mẫu quan trắc nước thải: Ít nhất 01 ngày/lần (01 mẫu khí thải tại lỗ kỹ thuật trên thân ống khói lò nung sau hệ thống xử lý bụi, khí thải) trong

03 ngày liên tiếp (Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

- Chủ cơ sở phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Trục Ninh, UBND xã Trục Thanh trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) trước khi thải ra ngoài môi trường. Không được phép xả khí thải chưa qua xử lý ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy xem xét, giải quyết.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra gây ảnh hưởng đến chất lượng khí thải sau xử lý, Chủ cơ sở phải dừng ngay các hoạt động phát sinh khí thải, nhanh chóng khắc phục sự cố và báo cáo bằng văn bản tới UBND huyện, Phòng Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Trục Thanh để kịp thời xử lý./.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày 27/6/2025
của UBND huyện Trực Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Mã CTNH	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/ năm)
1	18 02 01	Giẻ lau, găng tay nhiễm dầu mỡ thải	KS	Rắn	12
2	16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang thải	NH	Rắn	3
3	17 02 03	Dầu thải	NH	Lỏng	20
4	12 01 07	Cặn thải từ HTXL khí thải lò nung	KS	Rắn	120
		Tổng			155

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 12 kg/ngày. Thành phần gồm: Túi nilon, giấy vụn, thức ăn thừa, giấy vụn, bìa carton, vỏ phòng phẩm thải,...

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phát sinh

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh với khối lượng khoảng 1.500 tấn/năm, bao gồm: Gạch mộc, gạch nung bị vỡ, hỏng; Xi than.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu giữ

Chủ cơ sở bố trí 04 thùng chứa (thể tích 100 lít/thùng) có nắp đậy để thu gom CTNH. Các thùng chứa được dán tên loại chất thải, mã CTNH theo quy định.

2.1.2. Công trình lưu giữ

Chủ cơ sở bố trí kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 15 m² (bố trí phía Bắc cơ sở). Kho kín, nền đổ bê tông, mái che, kho có khóa, biển báo và biển cảnh báo theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Rác thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày được lưu giữ vào 10 thùng chứa (thể tích 50 – 100 lít/thùng) đặt trong khuôn viên cơ sở. Cuối ngày, công nhân sẽ thu gom rác thải sinh hoạt đưa về điểm tập kết phía Bắc cơ sở.

- Chủ cơ sở sẽ hợp đồng đơn vị chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Gạch mộc bị vỡ, hỏng được thu gom để tái sản xuất.

- Xi than, gạch nung bị vỡ, hỏng chuyên được tận dụng làm vật liệu san lấp hoặc bán tận thu.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa đối với sự cố cháy nổ

- Bố trí mặt bằng thông thoáng, bảo đảm cho xe cứu hoả có thể kéo vòi nước tới tất cả các công trình khi xảy ra sự cố.

- Hệ thống máy móc thiết bị hoạt động trong cơ sở được tiếp đất theo đúng quy định về an toàn điện.

- Trang bị các phương tiện PCCC phù hợp, bao gồm hệ thống nước chữa cháy, bình chữa cháy, cát, bao tải, hệ thống báo cháy, còi báo động, xe đẩy vận chuyển, bảng báo cấm lửa, tiêu lệnh chữa cháy tại các vị trí dễ gây cháy nổ trong cơ sở. Các dụng cụ chữa cháy được đặt ở nơi thuận tiện cho thao tác, không bị che chắn, các bảng hiệu ở nơi dễ thấy, dễ đọc.

2. Biện pháp phòng ngừa sự cố đối với kho lưu chứa CTNH

Chủ cơ sở yêu cầu công nhân thu gom, phân loại, lưu giữ CTNH theo từng loại riêng biệt, tuyệt đối không để CTNH có khả năng tương tác với nhau, đặt gần nhau. Khi có sự cố rò rỉ, phát tán CTNH ra môi trường xung quanh, Công ty sẽ tiến hành thu gom CTNH vào thùng chứa, kho chứa và hợp đồng xử lý theo quy định.

3. Biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn lao động:

- Tuyệt đối chấp hành mọi sự chỉ dẫn về an toàn lao động, nội quy phòng cháy và chữa cháy, đặc biệt là vấn đề vệ sinh công nghiệp.

- Thường xuyên huấn luyện kiến thức về an toàn vệ sinh lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động và định kỳ hàng năm tổ chức quan trắc môi trường lao động tại cơ sở theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động./.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày 27/6/2025
UBND huyện Trục Ninh)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải yêu cầu về cải tạo, phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải yêu cầu về bồi hoàn đa dạng sinh học

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG): Không có

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Minh Trang có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đảm bảo đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường; chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực cơ sở.

- Công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ cơ sở hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi thực hiện cơ sở. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường.

- Công khai kết quả quan trắc chất thải của kỳ quan trắc gần nhất trên trang thông tin điện tử của Chủ cơ sở hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại công cơ sở. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi có kết quả quan trắc chất thải định kỳ cho đến thời điểm công khai kết quả quan trắc định kỳ mới nhất.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ

nội dung quy định tại khoản 13, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan (đất đai, đầu tư, quy hoạch, xây dựng...).

- Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.